

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2019/DS-ST**
Ngày 11-8-2020
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp
Ông Trần Công Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 (có mặt).
2. Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 (có mặt).
2. Ông Lưu Quốc C, sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã K2, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Bà Nguyễn Thị T, ông Lưu Quốc C có tham gia một số dây hụi do ông và vợ là bà Đỗ Thị P làm chủ nhưng sau khi hốt hụi thì bà T, ông C không đóng lại hụi chết cho vợ chồng ông, cụ thể như sau:

1. Dây hụi mở ngày 25/6/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 26 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần, kêu giá 400.000 đồng hốt được số tiền 14.500.000 đồng vào kỳ khui hụi đầu tiên. Sau đó đóng lại hụi chết được 10 kỳ bằng 10.000.000 đồng, còn lại 15 kỳ không đóng nên vợ chồng ông phải đóng thay cho bà T, ông C 15.000.000 đồng.

2. Dây hụi mở ngày 25/6/2017 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng (dây số 1), mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 24 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần, kêu giá 800.000 đồng hốt được số tiền 26.600.000 đồng vào kỳ khui hụi đầu tiên. Sau đó đóng lại hụi chết được 10 kỳ bằng 20.000.000 đồng, còn lại 13 kỳ không đóng nên vợ chồng ông phải đóng thay cho bà T, ông C 26.000.000 đồng.

3. Dây hụi mở ngày 25/6/2017 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng (dây số 2), mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 24 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần, kêu giá 800.000 đồng hốt được số tiền 26.600.000 đồng vào kỳ khui hụi đầu tiên. Sau đó đóng lại hụi chết được 10 kỳ bằng 20.000.000 đồng, còn lại 13 kỳ không đóng nên vợ chồng ông phải đóng thay cho bà T, ông C 26.000.000 đồng.

4. Dây hụi mở ngày 25/11/2015 âm lịch, loại hụi 6.000.000 đồng, sáu tháng khui một kỳ, tổng số 10 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần, kêu giá 1.750.000 đồng hốt được số tiền 38.750.000 đồng vào kỳ khui hụi thứ 3. Sau đó đóng lại hụi chết được 02 kỳ bằng 12.000.000 đồng, còn lại 05 kỳ không đóng nên vợ chồng ông phải đóng thay cho bà T, ông C 30.000.000 đồng.

5. Dây hụi mở ngày 07/02/2017 âm lịch, loại hụi 4.000.000 đồng, ba tháng khui một kỳ, tổng số 14 phần, bà T, ông C tham gia 02 phần.

- Phần thứ nhất kêu giá 1.650.000 đồng hốt được số tiền 28.550.000 đồng vào kỳ khui hụi đầu tiên. Sau đó đóng lại hụi chết được 05 kỳ bằng 20.000.000 đồng, còn lại 08 kỳ không đóng nên vợ chồng ông phải đóng thay cho bà T, ông C 32.000.000 đồng.

- Phần thứ hai bà T, ông C đã đóng hụi sống được 06 kỳ với số tiền 15.900.000 đồng rồi ngưng không đóng nữa.

6. Dây hụi mở ngày 10/11/2017 âm lịch (dây 1), loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 26 phần, bà T, ông C tham gia 02 phần.

- Phần thứ nhất kêu giá 430.000 đồng hốt được số tiền 14.180.000 đồng vào kỳ khui hụi thứ hai. Sau đó đóng lại hụi chết được 04 kỳ bằng 4.000.000 đồng, còn lại 20 kỳ không đóng nên vợ chồng ông phải đóng thay cho bà T, ông C 20.000.000 đồng.

- Phần thứ hai bà T, ông C đã đóng hụi sống được 06 kỳ với số tiền 3.850.000 đồng rồi ngưng không đóng nữa.

7. Dây hụi mở ngày 10/11/2017 âm lịch (dây 2), loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 26 phần, bà T, ông C tham gia 02 phần đều đã hốt xong. Còn lại 20 kỳ không đóng nên vợ chồng ông phải đóng thay cho bà T, ông C

40.000.000 đồng.

8. Dây hụi mở ngày 10/11/2017 âm lịch (dây 3), loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 26 phần, bà T, ông C tham gia 02 phần.

- Phần thứ nhất kêu giá 400.000 đồng hốt được số tiền 14.500.000 đồng vào kỳ khui hụi đầu tiên. Sau đó đóng lại hụi chết được 04 kỳ bằng 4.000.000 đồng, còn lại 20 kỳ không đóng nên vợ chồng ông phải đóng thay cho bà T, ông C 20.000.000 đồng.

- Phần thứ hai bà T, ông C đã đóng hụi sống được 06 kỳ với số tiền 3.990.000 đồng rồi ngưng không đóng nữa.

9. Dây hụi mở ngày 15/10/2016 âm lịch (dây 1), loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 24 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần, kêu giá 350.000 đồng hốt được số tiền 14.450.000 đồng vào kỳ khui hụi đầu tiên. Sau đó đóng lại hụi chết được 19 kỳ bằng 19.000.000 đồng, còn lại 04 kỳ không đóng nên vợ chồng ông phải đóng thay cho bà T, ông C 4.000.000 đồng.

10. Dây hụi mở ngày 15/10/2016 âm lịch (dây 2), loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 24 phần, bà T, ông C tham gia 01 phần, kêu giá 350.000 đồng hốt được số tiền 14.450.000 đồng vào kỳ khui hụi đầu tiên. Sau đó đóng lại hụi chết được 19 kỳ bằng 19.000.000 đồng, còn lại 04 kỳ không đóng nên vợ chồng ông phải đóng thay cho bà T, ông C 4.000.000 đồng.

Trong các dây hụi đã hốt, bà T, ông C đều đóng đến hết tháng 4 năm 2018 âm lịch thì không đóng nữa. Như vậy tổng số tiền hụi chết mà vợ chồng ông đóng thay cho bà T, ông C là 217.000.000 đồng, ông và bà P đã đối chiếu hụi với bà T, ông C, thống nhất trừ lại số tiền hụi sống đã đóng là 23.740.000 đồng, số tiền bà T, ông C còn thiếu là 193.260.000 đồng. Tuy nhiên bà T, ông C không trả tiền cho vợ chồng ông như thỏa thuận nên ông và bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc lại bà T, ông C trả cho vợ chồng ông số tiền hụi còn thiếu là 193.260.000 đồng.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị P trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn H về việc bà T, ông C tham gia các dây hụi do bà và ông H làm chủ. Bà yêu cầu Tòa án xem xét buộc lại bà T, ông C trả cho vợ chồng bà số tiền hụi còn thiếu là 193.260.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2020 và tại phiên tòa, ông Lưu Quốc C và bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày: Ông, bà xác định có tham gia các dây hụi do ông H, bà P làm chủ. Ông, bà và ông H, bà P đã đối chiếu tiền hụi với nhau và thống nhất số tiền hụi còn thiếu là 193.260.000 đồng. Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông, bà sẽ trả tiền cho ông H, bà P sau khi sang được đất.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày

27/11/2006 của Chính phủ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc thống nhất số tiền hội còn thiếu, buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Quốc C trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị P số tiền 193.260.000 đồng; đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị P thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Quốc C tham gia nhiều dây hội do ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị P làm chủ. Sau khi hót xong các dây hội, bà T, ông C đóng lại hội chết đến tháng 4/2018 âm lịch, sau đó không đóng nữa. Ông H, bà P đã đối chiếu hội với bà T, ông C, thống nhất tổng số tiền hội chết mà ông H, bà P đóng thay cho bà T, ông C là 217.000.000 đồng, đối trừ lại số tiền hội sống đã đóng là 23.740.000 đồng thì số tiền còn thiếu là 193.260.000 đồng. Tuy nhiên bà T, ông C không trả tiền như đã thỏa thuận nên Hùng, bà P khởi kiện yêu cầu bà T, ông C trả số tiền hội còn thiếu là 193.260.000 đồng.

Xét thấy việc ông H, bà P tổ chức hội có lập thành văn bản thể hiện rõ các thành viên và phương thức tham gia, phù hợp với quy định pháp luật nên các bên tham gia có quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường quy định thành viên tham gia hội có nghĩa vụ phải đóng đủ các phần theo thỏa thuận. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2020 và tại phiên tòa, ông C, bà T cũng thừa nhận việc nợ tiền hội của ông H, bà P số tiền 193.260.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông C, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của ông H, bà P được Tòa án chấp nhận cụ thể: 193.260.000 đồng x 5% = 9.663.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị P. Buộc ông Lưu Quốc C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị P số tiền 193.260.000 (một trăm chín mươi ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Ông Lưu Quốc C và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.663.000 (chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn) đồng (chưa nộp).

Ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.833.000 (bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0002740 ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý